

A. PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

Năm 2019, ngoài việc dành **tối đa 10%** chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành để xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển, **Trường sử dụng các phương thức tuyển sinh như sau:**

- Phương thức kết hợp xét tuyển và thi tuyển: áp dụng cho ngành Giáo dục Thể chất và ngành Giáo dục Mầm non;
- Phương thức xét tuyển: áp dụng cho các ngành còn lại.

Cụ thể:

1. Xét tuyển

1.1. Xét tuyển dựa vào kết quả kì thi THPT Quốc gia năm 2019

Phương thức tuyển sinh này chiếm tối thiểu 80% chỉ tiêu của từng ngành.

Mô tả phương án:

Với mỗi ngành học, Trường sử dụng tổ hợp 03 môn hoặc 03 bài thi từ 05 bài thi của kì thi THPT Quốc gia năm 2019 để xét tuyển. Trong đó, bắt buộc có môn Toán hoặc môn Ngữ văn.

Hình thức xét tuyển:

- Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển (từng bài thi/môn thi chấm theo thang điểm 10) cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

$$Đ_{XT} = Đ_{M1} + Đ_{M2} + Đ_{M3} + Đ_{UT}$$

Trong đó:

$Đ_{XT}$: Điểm xét tuyển, được làm tròn đến hai chữ số thập phân;

$Đ_{M1}$, $Đ_{M2}$, $Đ_{M3}$: Điểm bài thi/môn thi thứ nhất, thứ hai, thứ ba theo tổ hợp xét tuyển;

$Đ_{UT}$: Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

1.2. Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12 THPT (xét tuyển theo học bạ)

Phương thức tuyển sinh này chiếm tối đa 10% chỉ tiêu của từng ngành.

Mô tả phương án:

Với mỗi ngành học, xét tuyển dựa trên kết quả 03 môn học lớp 12 THPT năm học 2018 - 2019 (tương ứng với tổ hợp môn xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia như ở phương thức 1.1).

Hình thức xét tuyển:

- Điểm xét tuyển là tổng điểm trung bình môn của 03 môn học lớp 12 THPT năm học 2018 - 2019 (tương ứng với tổ hợp môn xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia) cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

$$Đ_{XT} = Đ_{M1} + Đ_{M2} + Đ_{M3} + Đ_{UT}$$

Trong đó:

$Đ_{XT}$: Điểm xét tuyển, được làm tròn đến hai chữ số thập phân;

$Đ_{M1}$, $Đ_{M2}$, $Đ_{M3}$: Điểm trung bình môn lớp 12 của môn học thứ nhất, thứ hai, thứ ba theo tổ hợp xét tuyển;

$Đ_{UT}$: Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

2. Kết hợp xét tuyển và thi tuyển

2.1. Xét tuyển dựa vào kết quả kì thi THPT Quốc gia năm 2019 kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu

Phương thức tuyển sinh này chỉ áp dụng cho ngành **Giáo dục Thể chất, Giáo dục Mầm non** và chiếm tối thiểu 80% chỉ tiêu của từng ngành.

Mô tả phương án:

- Trường chọn 02 môn (bài) thi của kì thi THPT Quốc gia năm 2019 và 01 môn thi năng khiếu do Trường tổ chức.

Hình thức xét tuyển:

- Điểm xét tuyển là tổng điểm 02 môn thi THPT Quốc gia năm 2019 (theo tổ hợp môn đăng kí xét tuyển) với điểm thi năng khiếu do Trường tổ chức cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

$$D_{XT} = D_{M1} + D_{M2} + D_{NK} + D_{UT}$$

Trong đó:

D_{XT} : Điểm xét tuyển, được làm tròn đến hai chữ số thập phân;

D_{M1}, D_{M2} : Điểm bài thi/môn thi thứ nhất, thứ hai theo tổ hợp xét tuyển;

D_{NK} : Điểm môn thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức;

D_{UT} : Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

2.2. Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12 THPT kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu

Phương thức tuyển sinh này chỉ áp dụng cho các ngành **Giáo dục Thể chất, Giáo dục Mầm non** và chiếm tối đa 10% chỉ tiêu của từng ngành.

Mô tả phương án:

- Trường chọn 02 môn học ở lớp 12 THPT năm học 2018 - 2019 (tương ứng với tổ hợp xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT Quốc gia) và 01 môn thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức.

Hình thức xét tuyển:

- Điểm xét tuyển là tổng điểm trung bình môn học của 02 môn học lớp 12 THPT năm học 2018 - 2019 (tương ứng với tổ hợp môn đăng kí xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT Quốc gia) với điểm thi môn năng khiếu do Trường tổ chức cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

$$D_{XT} = D_{M1} + D_{M2} + D_{NK} + D_{UT}$$

Trong đó:

D_{XT} : Điểm xét tuyển, được làm tròn đến hai chữ số thập phân;

D_{M1}, D_{M2} : Điểm trung bình môn lớp 12 của môn học thứ nhất, thứ hai theo tổ hợp xét tuyển;

D_{NK} : Điểm môn thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức;

D_{UT} : Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

Môn thi năng khiếu của ngành Giáo dục Thể chất: Chạy cự ly ngắn, lực kéo bóp tay, bật xa tại chỗ.

Môn thi năng khiếu của ngành Giáo dục Mầm non: Đọc - kể diễn cảm, hát.

B. CHỈ TIÊU - TỔ HỢP XÉT TUYỂN

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp	Môn thi	Chỉ tiêu
1	Quản lý giáo dục	7140114	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	60
		7140114	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	
		7140114	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	
2	Giáo dục Mầm non	7140201	M00	Ngữ văn, Toán, Năng khiếu GDMN	200
3	Giáo dục Tiểu học	7140202	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	500
		7140202	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	
		7140202	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
4	Giáo dục Đặc biệt	7140203	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	45
		7140203	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	
5	Giáo dục Chính trị	7140205	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	50
		7140205	C19	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân	
		7140205	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
6	Giáo dục Thể chất	7140206	T00	Toán, Sinh học, Năng khiếu TDTT	60
		7140206	T02	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu TDTT	
7	Sư phạm Toán học	7140209	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	120
		7140209	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	
8	Sư phạm Tin học	7140210	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	80
		7140210	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	
9	Sư phạm Vật lý	7140211	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	80
		7140211	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	
		7140211	C01	Ngữ văn, Toán, Vật lý	
10	Sư phạm Hoá học	7140212	A00	Toán, Vật lý, Hoá học	50
		7140212	B00	Toán, Hoá học, Sinh học	
		7140212	D07	Toán, Hoá học, Tiếng Anh	
11	Sư phạm Sinh học	7140213	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	50
		7140213	D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp	Môn thi	Chỉ tiêu
12	Sư phạm Ngữ văn	7140217	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	120
		7140217	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	
		7140217	D78	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh	
13	Sư phạm Lịch sử	7140218	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	50
		7140218	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
14	Sư phạm Địa lý	7140219	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	50
		7140219	C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý	
		7140219	D78	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh	
15	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	145
16	Sư phạm Tiếng Pháp	7140233	D03	Ngữ văn, Toán, Tiếng Pháp	30
		7140233	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
17	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	7140234	D04	Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung	30
		7140234	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
18	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	A00	Toán, Vật lý, Hoá học	50
		7140247	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
		7140247	D90	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh	
19	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	300
20	Ngôn ngữ Nga	7220202	D02	Ngữ văn, Toán, Tiếng Nga	120
		7220202	D80	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Nga	
		7220202	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
		7220202	D78	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh	
21	Ngôn ngữ Pháp	7220203	D03	Ngữ văn, Toán, Tiếng Pháp	160
		7220203	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
22	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	D04	Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung	220
		7220204	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
23	Ngôn ngữ Nhật	7220209	D06	Ngữ văn, Toán, Tiếng Nhật	160

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp	Môn thi	Chỉ tiêu
		7220209	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
24	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	80
		7220210	D96	Toán, Khoa học xã hội, Tiếng Anh	
		7220210	D78	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh	
25	Văn học	7229030	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	120
		7229030	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	
		7229030	D78	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh	
26	Tâm lý học	7310401	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	120
		7310401	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	
		7310401	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
27	Tâm lý học giáo dục	7310403	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	120
		7310403	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
		7310403	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	
28	Công tác xã hội	7760101	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	80
		7760101	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
		7760101	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	
29	Địa lý học	7310501	D10	Toán, Địa lý, Tiếng Anh	100
		7310501	D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	
		7310501	D78	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh	
		7310501	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	
30	Quốc tế học	7310601	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	160
		7310601	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
		7310601	D78	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh	
31	Việt Nam học	7310630	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	120
		7310630	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
		7310630	D78	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh	

TUYỂN SINH 2019

Thứ hai, 08 Tháng 4 2019 02:10

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp	Môn thi	Chỉ tiêu
32	Vật lý học	7440102	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	100
		7440102	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	
33	Hoá học	7440112	A00	Toán, Vật lý, Hoá học	100
		7440112	B00	Toán, Hoá học, Sinh học	
		7440112	D07	Toán, Hoá học, Tiếng Anh	
34	Công nghệ thông tin	7480201	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	200
		7480201	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	
35	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam	7220101	- Dành cho thí sinh là người nước ngoài đã tốt nghiệp phổ thông; - Tổ chức xét tuyển (có thông báo cụ thể riêng).		100